TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-03-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Đào
2. Bà Lâm Thị Tám

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 304/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thùy A**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Số 98, ấp K, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc H,** sinh năm 1987
Địa chỉ: Số 89, ấp K, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị Thùy A và anh Nguyễn Quốc H hai người kết hôn nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 28/2011 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2011.

.

Chị Phạm Thị Thùy A và anh Nguyễn Quốc H chung sống có một người con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, hiện cháu B đang sống chung với anh H.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Phạm Thị Thùy A xác định không có.

Do trong thời gian chung sống, anh H không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình mà tham gia vào cờ bạc dẫn đến nợ nần chị nhiều lần khuyên can nhưng anh H không nghe nên giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã với nhau. Chị A và anh H đã sống ly thân với nhau từ ngày 24 tháng 9 năm 2018 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân, chị A và anh H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hàn gắn vợ chồng trở lại.

Tại phiên tòa hôm nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh H. Khi ly hôn, chị A đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho anh H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và chị A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh H đã được Tòa án nhân dân huyện T tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H không đến Toà án mà chỉ gửi cho Tòa án đơn xin giải quyết vắng mặt và gởi bản tự khai ngày 04/01/2019. Tại bản tự khai anh H thống nhất với yêu cầu của chị Avề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A, về con chung anh H thể hiện theo nguyện vọng của con. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị A cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh H. Về con chung, giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thùy A khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Quốc H và hiện nay anh H cư trú tại số 89, ấp K, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H có yêu cầu vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh H có đơn yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Thùy A và anh Nguyễn Quốc H chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 28/2011 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2011nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị A và anh H sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thể hiện anh H thiếu quan tâm, không chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải dã với nhau, xét thấy những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình chị A và anh H không có biện pháp hòa giải với nhau được mà để cho mâu thuẫn kéo dài không khả năng khắc phục và hiện tại chị A và anh H hai người không còn sống chung nhau từ ngày 24/9/2018 đến nay. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì anh H cũng biết được việc chị A yêu cầu ly hôn đối với anh, nhưng anh H không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy chị A và anh H hai người sống ly thân và không còn tới lui với nhau từ tháng 9/2018 đến nay, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thùy A đối với anh Nguyễn Quốc H là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị A đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn ý kiến của anh H thì tùy thuộc vào nguyện vọng của con, con muốn sống với ai thì người đó nuôi. Xét thấy, tại bản tự khai của cháu B ngày 04/01/2019 thì cháu B thể hiện ý chí muốn được sống với cha khi cha mẹ cháu ly hôn, xét nguyện vọng của cháu B cũng phù hợp với yêu cầu của chị A và anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu B. Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho anh Nguyễn Quốc H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phạm Thị Thùy A phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[8] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thùy A đối với anh Nguyễn Quốc H. Cho chị Phạm Thị Thùy A và anh Nguyễn Quốc H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho anh Nguyễn Quốc H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Quốc H không yêu cầu chị Phạm Thị Thùy A phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị Phạm Thị Thùy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Phạm Thị Thùy A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Phạm Thị Thùy A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005334 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án

được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã D, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út